

## BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2008 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LÂM HÀ

(Kèm theo Quyết định số 51 /2007/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Lâm Hà)  
(Đông)

### A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ.

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
<b>I</b>	<b>THỊ TRẤN ĐÌNH VÃN</b>	
<b>1</b>	<b>Quốc lộ 27</b>	
	Từ Bình Thạnh đến cổng Xoan	300
	Từ cổng Xoan đến ngã 3 Gia Thạnh	444
	Từ ngã 3 Gia Thạnh đến ngã ba Đoàn Kết (thửa số 161 - tờ bản đồ 69)	600
	Từ ngã ba Đoàn kết - đường vào tổ 4 Văn Tâm (thửa số 367, TBĐ 63)	1.080
	Từ đường vào tổ 4 Văn Tâm đến cầu cổ Gia	1.200
	Từ cầu cổ gia đến ngã 3 bưu điện Huyện	1.680
	Từ ngã ba bưu điện đến ngã tư Quyền lượng hết đất ông Thăng ( tờ 61, thửa 366)	2.040
	Từ hết đất ông Thăng ( tờ 61, thửa 366) đến hết đất bà K'Duyên ( tờ 61, thửa 199)	2.400
	Từ hết đất bà K'Duyên (tờ 61, thửa 199) đến cổng Kiểm Lâm	2.040
	Từ cổng Kiểm Lâm đến hết đất Hà khoa (thửa 103, tờ bản đồ 59)	2.040
	Từ Hà khoa (thửa 103, tờ bản đồ 59) đến ngã ba (Đại lý vật liệu Lâm Hà- thửa 222, TBĐ 56)	1.200
	Từ Ngã ba (Đại lý vật liệu Lâm Hà- thửa 222, TBĐ 56) đến giáp Đạ Đờn	1.080
<b>2</b>	<b>Tỉnh Lộ 725</b>	
	Từ ngã 3 Sơn Hà đến cổng hết đất ông Trường (thửa số 1077, TBĐ số 58)	840
	Từ hết đất ông Trường (thửa số 1077, TBĐ số 58) đến cầu Tân Văn	600
<b>3</b>	<b>Đường Đình Vãn – Ba Cánh</b>	
	Từ ngã 3 Quảng Đức đến hết trường TH Đình Vãn V	960
	Từ hết TH Đình Vãn V tới ngã ba (Nhà ông Miền thửa số 12, TBĐ số 71)	780

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ ngã 3 nhà ông Miên (thửa số 12, TĐĐ số 71) đến cổng ông Hữu (thửa số 46, TĐĐ số 76)	600
	Từ cổng ông Hữu (thửa số 46, TĐĐ số 76) đến hết đất ông Thành (T cấp III) thửa số 270, TĐĐ số 82)	480
	Từ hết đất ông Thành (thửa số 270, TĐĐ số 82) đến ngã ba chợ Hòa Lạc	240
	Từ ngã 3 chợ Hòa Lạc đến cầu Hòa Lạc	156
	Từ cầu Hòa Lạc đến giáp Đức Trọng	96
<b>4</b>	<b>Đường nội TDP xoan Đa Huỳnh</b>	<b>48</b>
<b>5</b>	<b>Các nhánh của tuyến đường 27</b>	
5.1	Từ nhà ông Thông kiểm lâm (thửa số 116, TĐĐ số 78) Gia Thạnh đến hết đường	48
5.2	Từ quán ông Tâm Gia Thạnh (thửa số 107, TĐĐ số 78) đến hết đường	96
5.3	Từ ngã 3 Gia Thạnh đến hết đường	
	Từ ngã 3 Gia Thạnh đến cổng N1-11	180
	Từ cổng N1 đến ngã 4 xạc bình	144
5.4	Đường từ Cầu Đường đến Đình Văn – Ba Cánh	
	Từ Cầu Đường - kênh N1 – 11	120
	Từ N1 – 11 đến hết đường	90
5.5	Đường từ nhà bà Gléo (thửa số 493, TĐĐ số 69) thôn 2 đến hết đường	72
5.6	Đường từ nhà ông Hường (thửa số 201, TĐĐ số 68) đến hết đường	120
5.7	Đường từ nhà ông Tú (thửa số 121, TĐĐ số 68) đến hết đường	120
5.8	Đường từ nhà ông Thìn (thửa số 74, TĐĐ số 68) đến hết đường	96
5.9	Đường từ VLXD Mai Toàn (thửa số 556, TĐĐ số 63) đến hết đường	96
5.10	Đường từ cầu Cổ Gia đến hết nhà ông Lộc ( thửa số 401, TĐĐ số 63)	48
5.11	Đường từ nhà bà Nhuận (bưu điện) thửa số 463, TĐĐ số 62 đến nhà ông Tầu (thửa số 123, TĐĐ số 66)	
	Từ QL 27 đến hết đất ông Hòa (thửa số 26, TĐĐ số 66)	144
	Còn lại	96
5.12	Đường xung quanh hồ trước UBND Huyện	

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ QL27 đến ngã 3 vào TDP Se Nhắc	1.440
	Từ ngã ba TDP Se Nhắc đến ngã ba (quán photo) thửa số 629, TĐĐ số 61	1.080
5.13	Từ hết quán phô tô (thửa số 629, TĐĐ số 61) đến hết đường	180
5.14	Từ trụ sở Thanh tra Huyện đến hết đất ông Vũ Quang Thành (Thửa 162 tờ 66)	180
5.15	Đường từ đại lý Bình (thửa số 130, TĐĐ 61) Bò Liêng đến hết đường	120
5.16	Đường từ ngã 4 Long Hương (thửa số 324, TĐĐ số 59) đến sông Đa Đòn	
	Từ QL 27 đến hết đất bà Xuân (thửa số 86, TĐĐ số 61)	180
	Còn lại	120
5.17	Đường nội khu phố Cô Ya	60
5.18	Đường từ nhà ông Quý (QL 27) thửa số 140, TĐĐ số 68 vào hết TDP Ri ông Se	
	Từ kênh N1 – 9 - hết đất nhà ông Sỹ (thửa số 304, TĐĐ số 21)	120
	Còn lại	90
5.19	Đường từ nhà ông Chiến (thửa số 424, TĐĐ số 68) đến đập tràn	120
5.20	Đường từ nhà bà Phương (Thửa 17, TĐĐ 64) đến hết đường vào đồi độc lập tổ 6 Văn Tâm	108
5.21	Đường từ QL27 đi đập tràn	
	Từ hết đất ông Kim (QL27) Thửa số 83, TĐĐ số 64 đến ngã 4	180
	Từ ngã 4 đến đập tràn	120
5.22	Đường từ nhà ông Ba cà phê (thửa số 582, TĐĐ số 63) đến đường đi đập tràn (thửa số 02, TĐĐ số 63)	120
5.23	Đường từ nhà ông Niên (thửa số 349, TĐĐ số 62) đến giáp đất ông Cảnh (thửa số 196, TĐĐ số 62)	180
5.24	Đường từ ngã Ba bưu điện – Kênh tiêu	360
5.25	Đường từ nhà ông Cao Xuân Trường (TĐĐ62, thửa 101) đến nhà ông Hoà	144
5.26	Đường từ hết đất bà Việt (thửa số 245, TĐĐ số 62) đến mương tiêu	360
5.27	Đường từ VLXD Sang (thửa số 150, TĐĐ số 62) đến mương tiêu	480
5.28	Đường từ quán Quyền Lương (thửa số 65, TĐĐ số 62) đến mương tiêu (phía đông chợ Lâm Hà)	960

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
5.29	Đường từ ngân hàng đến nương tiêu	600
5.30	Đường từ ngã 4 Long Hương (thửa số 266, TĐĐ số 59) đến ruộng khu phố	240
5.31	Đường từ VLXD Lâm Hà đến hết đường vào xóm ông Du Hành	150
5.32	Đường từ nhà ông Trác (thửa số 01, TĐĐ số 56) (giáp Trại giống) đến nghĩa trang dân tộc TDP Bò Liêng-Se nhắc	
	Từ hết đất nhà ông Dui đến cống N1-1	180
	Cống N1-1 đến nghĩa trang dân tộc	90
5.33	Đường từ ngã ba bệnh viện đi Đoàn kết	
	Từ hết nhà ông Hiện QL27 đến cống N1-9	240
	Cống N1-9 đến ngã ba nhà ông Tống Văn Dũng (thửa 400, TĐĐ 27)	180
	Còn lại	48
5.34	Đường đi xã Nam Hà	
	Từ hết đất nhà ông Lê Văn Báy, cây số 15 đến nghĩa trang TT Đình Văn	120
	Còn lại	48
5.35	Đường từ ngã ba TDP Sre nhắc đến hết đất nhà ông Phạm Mâu (TĐĐ 61, thửa 790)	120
<b>6</b>	<b>Đường nhánh của đường Đình Văn – Ba Cánh</b>	
6.1	Đường từ nhà ông Trần Đình Hạ (thửa 297 TĐĐ67) - hết đường	144
6.2	Đường từ tiểu học ĐV 5 đến hết đường	144
6.3	Đường từ nhà ông Đình Văn Tiến (thửa 331, TĐĐ 67) đến hết đường	144
6.4	Đường từ nhà ông Nguyễn Quang Việt (thửa 235, TĐĐ67) đến hết đường	144
6.5	Đường từ nhà ông Miền (thửa số 12, TĐĐ số 71) đến hết đường	108
6.6	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyên (thửa 257, TĐĐ 67) đến hết đường	144
6.7	Đường từ nhà Khu thị Hưu ( thửa 317,TĐĐ 68) đến hết đường	144
6.8	Đường từ nhà ông Nguyễn Long (thửa 345, TĐĐ 68) đến hết đường	144
6.9	Đường từ nhà bà Lê Thị Hậu (thửa 369, TĐĐ 68) đến hết đường	144
6.10	Đường từ nhà ông Phương (thửa số 196, TĐĐ số 71) đến hết đường	144
6.11	Đường từ cống ông Hữu (thửa số 46, TĐĐ số 76) đến hết thôn 5	

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ cổng ông Hữu (thửa số 46, TĐĐ số 76) đến hết đất nhà ông Tài (thửa số 407, TĐĐ số 20)	120
	Từ nhà ông Tài (thửa số 407, TĐĐ số 20) đến hết đất ông Tư Sài Gòn (thửa số 158, TĐĐ số 12)	72
	Từ cổng nhà ông Tư Sài Gòn (thửa số 158, TĐĐ số 12) đến sông Đa Dâng	48
6.12	Từ nhà ông Vinh (thửa số 118, TĐĐ số 76) đến nhà K'Hai (thửa số 135, TĐĐ số 76) TDP Văn Hà	72
6.13	Từ nhà ông Diệu (thửa số 171, TĐĐ số 83) đến hết đường	72
6.14	Đường từ nhà ông Đỗ Văn Dũng (thửa 46, TĐĐ 83) đến hết đường	72
6.15	Đường nội KP Pót Pe	48
6.16	Đường từ đất ông Hậu (thửa số 83, TĐĐ số 63) (cổng N1/10) đến hết đường	96
6.17	Đường từ quán ông Vinh (thửa số 56, TĐĐ số 88) đến hết đất ông Lóng (thửa số 162, TĐĐ số 90)	72
6.18	Đường nội TDP Hòa Lạc	48
6.19	Đường từ ngã tư xạc bình đến Quán ông Hữu Anh (thửa số 303, TĐĐ số 86) (đường nội thôn 6)	72
6.20	Đường nội khu phố Đa Ra Mãng đến Bang Pung	48
<b>II</b>	<b>THỊ TRẤN NAM BAN</b>	
<b>1</b>	<b>Đất dọc đường tỉnh lộ 725</b>	
1.1	Từ giáp xã Mê Linh đến ngã ba đi trường tiểu học Từ Liêm	300
1.2	Từ ngã 3 đường vào trường tiểu học Từ Liêm đến ngã 3 đi trường THCS Từ Liêm	480
1.3	Từ trường THCS Từ Liêm đến ngã ba đường đi Đông Anh II (cổng nhà văn hóa TDP Đông Anh II)	720
1.4	Từ ngã 3 đường Đông Anh II (ông Viên) đến trạm biến thế điện TT Nam Ban	1.440
1.5	Từ trạm biến thế điện đến ngã 4 đường đi vào khu Chi Lăng – Thành Công (ngã tư nông trường 4 cũ)	720
1.6	Từ ngã 4 (nông trường 4 cũ) đến trụ sở UBND TT Nam Ban hiện nay (ngã ba cổng TDP văn hoá Ba Đình)	840
1.7	Từ ngã 3 cổng TDP văn hoá Ba Đình đến Gia Lâm	1.200
<b>2</b>	<b>Đất trục đường liên xã</b>	

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
2.1	Ngã 3 Đông Từ đến ngã 4 Hùng Vương.	60
2.2	Từ ngã 4 Hùng Vương đến giáp xã Đông Thanh.	48
2.3	Đoạn từ ngã 4 NT4 cũ đến ngã 3 đường vào xóm Hà Bắc (Chi Lăng III).	84
2.4	Từ ngã 3 vào xóm Hà Bắc Chi Lăng 3 đến ngã 3 Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi)	72
2.5	Từ ngã 3 Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi) đến dốc vông (giáp xã Nam Hà).	60
2.6	Từ bùng binh đường ĐT 725 đến cổng chùa Linh Ân.	300
2.7	Từ cổng chùa Linh Ân đến đỉnh dốc công an (Đường xuống thác voi)	144
2.8	Từ đỉnh dốc công an (đường xuống thác voi) đến ngã 3 đường tới ngã 3 Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi)	72
<b>3</b>	<b>Đất cạnh đường liên thôn khu TDP</b>	
3.1	Đường từ ngã 3 ĐT 725 đến trường tiểu học Từ Liêm.	48
3.2	Từ trường tiểu học Từ Liêm đến hồ Từ Liêm.	36
3.3	Đường từ ngã 4 Hùng Vương đến cầu Đông Anh 3.	36
3.4	Đường từ ngã 3 Đông Anh II (Nhà ông Viên) đến ngã 4 Hùng Vương đi Đông Anh III	60
3.5	Đường từ ngã 3 (cổng nhà văn hóa TDP Đông Anh I xuống sinh 78 Đông Anh 1) đến trường tiểu học Nam Ban II	72
3.6	Đường từ tiểu học Nam Ban II đến hồ Bãi Công TDP Thành Công.	36
3.7	Đường từ sau chợ Thăng Long cạnh nhà bà Đĩnh (thửa số 451, TBD số 8) tới ngã ba giáp đất nhà ông Bùi Đức An Đông Anh II	36
3.8	Đường từ ngã ba đối diện cổng trường tiểu học Nam Ban I đường liên khu Trung vương – Thăng Long đến cổng vào TDP văn hóa Trung Vương (phân viện Nam Ban).	36
3.9	Đường từ ngã 3 Chi Lăng I giáp đường xuống hồ Bãi công đến hồ Bãi công - Thành Công	36
3.10	Đường từ ngã 4 vào trường mầm non II đến chùa Linh Ân (đường liên khu Ba Đình).	48
3.11	Đường từ TDP văn hoá Ba Đình vào trường THPT Thăng Long	180
3.12	Đường từ ngã tư Nông trường 4 cũ đến cầu Thanh trì (giáp xã Đông Thanh)	36
3.13	Đường từ ngã ba cổng văn nhà văn hoá TDP Bạch Đằng đến ngã 3 đường liên TDP Bạch Đằng - Thăng Long	36

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
3.14	Đường từ ngã ba vào xóm Hà Bắc đến giáp xã Mê Linh	36
3.15	Đường từ ngã ba nhà ông Hữu (thửa 79, tờ BĐ 19) đến ngã ba đi xóm Hà Bắc (cạnh Nhà trẻ TDP Chi Lăng III)	36
3.16	Đường từ hồ Bãi công đến giáp xã Mê Linh	36
3.17	Đường từ ngã ba (sân bóng Chi Lăng II- III) đến ngã ba đường đi Nam Hà	36
3.18	Đường từ ngã ba nhà ông Sắc đến ngã ba giáp đất nhà ông An Đông Anh II	60
3.19	Đường từ ngã ba giáp đất nhà ông An Đông Anh II đến giáp xã Đông Thanh	54
3.20	Đường từ ngã ba giáp đất ông Luân - Hiệp đến hồ Từ Liêm	60
3.21	Đường từ ngã ba trường THCS Từ Liêm đến ngã ba đi Đông Anh I, hồ Từ Liêm	60
3.22	Đường từ hồ Từ Liêm đến đường liên TDP Đông Anh I	54
3.23	Đường từ ngã ba giáp quán sửa xe ông Cán Đinh Dũng đến trường TH Nam Ban II	84
3.24	Đường ngã ba giáp đất nhà ông Hễ (thửa số 137, TĐĐ31) đến ngã ba giáp đất nhà ông Tuyển (thửa số 182, TĐĐ 31)	54
3.25	Đường từ ngã ba nhà văn hoá Bạch đằng đến Sinh 78 khu Đông Anh I	48

**B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN.**

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>I</b>	<b>XÃ TÂN VĂN.</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b>	
1.1	Đường ĐT 725	
	Từ cầu Tân Văn đến ngã ba trại giống	1.200
	Từ nhà ông Lễ (Thửa số 923, TĐĐ 16) tới cầu cơ giới	840
	Từ cầu cơ giới tới ngã ba nghĩa trang xã Tân Văn	360
	Từ nghĩa trang xã Tân Văn trụ sở thôn Tân Thành (thửa số 32; TĐĐ 41)	120
	Từ trụ sở thôn Tân Thành (thửa số 32;TĐĐ 41) tới ngã ba Phúc Tân - Tân Hà	360
1.2	Đường đi xã Phúc Thọ	
	Từ Trạm xá Tân Văn tới ngã ba đi Tân Lin	720
	Từ ngã ba đi Tân Lin tới ngã ba Tân Hoà	360

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ ngã ba Tân Hoà tới ngã ba Tân Đức	288
	Từ ngã ba Tân Đức tới ngã ba Tân Thuận	180
	Từ ngã Ba Tân Thuận tới giáp ranh xã Phúc Thọ	108
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b>	
2.1	Đường liền kề khu trung tâm trụ sở UBND xã tới ngã ba trại giống (Đường trung tâm giao viên vòng sau UBND xã tới trại giống)	360
2.2	Đường từ ngã ba Tân Lim tới giáp cầu máng đi xã Dạ Đồn	144
2.3	Đường từ ngã ba trại giống tới cầu khi giáp huyện Đức Trọng	
	Đường từ ngã ba trại giống tới hội trường thôn Hà Trung (thửa số 52, TĐĐ 32)	120
	Đường từ hội trường thôn Hà Trung tới nhà ông Hoàng Thành Đô (thửa số 226, TĐĐ 32)	96
	Từ nhà ông Hoàng Thành Đô (thửa số 226, TĐĐ 32) đến cầu khi giáp xã Tân Thành - Đức Trọng	72
2.4	Từ ngã Ba nhà ông Sự tới hội trường thôn Mỹ Hoà ( thửa số 332, TĐĐ 19)	120
2.5	Đường cầu Tân An đi ngã ba Tân Thuận	
	Từ cầu Tân an tới hội trường thôn Tân Hoà (thửa số 1351; TĐĐ 22)	72
	Từ hội trường thôn Tân Hoà (thửa số 1351; TĐĐ 22) tới giáp ngã ba Tân Thuận	48
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	
3.1	Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>II</b>	<b>XÃ TÂN HÀ</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b>	
1.1	Đường ĐT 725	
	Từ giáp xã Tân Văn đến ngã ba Phúc Hưng	240
	Từ ngã ba Phúc hưng đến ngã ba đi thôn Phúc Thọ 1	360
	Ngã ba đi thôn Phúc Thọ 1 đến ngã ba vào xã Phúc Thọ	540
	Từ ngã ba đi xã Phúc Thọ đến Trung tâm Y tế	1.080

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ Trung tâm Y tế đến ngã ba cây xăng ông Bạ	1.560
	Từ ngã ba cây xăng ông Bạ đến đường lên chùa Hà Lâm	1.800
	Từ đường lên chùa Hà Lâm đến đất ông Nguyễn Văn Tình (Thửa 89 - tờ bản số 04)	1.440
	Từ đất ông Tình (thửa 89; TĐĐ 04) đến cổng trường cấp I Tân Hà	1.080
	Từ Cổng trường C1 Tân Hà đến cổng trường C2 Tân Hà	600
	Từ cổng trường cấp 2 Tân Hà đến ngã ba Đan Phượng (đường vào cột 640 – ĐZ 500 KV)	300
	Từ ngã ba Đan Phượng đến giáp xã Liên Hà	240
1.2	Đường liên xã Tân Hà -Liên Hà - Hoài Đức.	
	Từ ngã tư Tân Hà tới ngã ba đi xuống thôn Tân Đức	1.800
	Từ ngã ba Tân Đức đến ngã ba Nhà Thờ	1.200
	Từ ngã ba Nhà Thờ đến cột điện Trung thế số 286/128/10	480
	Từ cột điện trung thế 286/128/10 đến cột điện Trung thế số 286/128/51	240
	Từ cột trung thế 286/128/51 đến ngã ba Trần Quốc Toản	300
	Từ ngã ba Trần Quốc Toản đến giáp xã Liên Hà	240
1.3	Đường đi xã Phúc Thọ	
	Từ giáp đường 725 đến ngã ba (đường vào nghĩa trang)	480
	Từ ngã ba (đường vào nghĩa trang) đến ngã ba thôn Thạch Thất II	300
	Từ ngã ba thôn Thạch Thất II đến giáp xã Phúc Thọ	240
1.4	Đường đi xã Đan Phượng	
	Từ giáp đường 725 đến giáp xã Đan Phượng	180
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b>	
2.1	Đường thôn liên trung	
	Đoạn giáp xã Tân Văn đến thôn Thạch Thất 2	36
	Đoạn đường giáp xã Tân Văn đến thôn Phúc Hưng	60
	Đoạn giáp TL 725 lên Đài truyền hình	84
	Đoạn từ Đài truyền hình đến hết thôn Phúc Hưng	42
	Đoạn từ TL 725 đến hết thôn Phúc Thọ I (Nhà ông Bảy)	120

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Đoạn từ đường ĐT 725 vào 300 m (Đất ông Trí)	120
	Đoạn từ 300m đến hết đường xóm 2	30
	Đoạn đối diện TTY Tề vào 500m	180
	Đoạn từ cây xăng ông Bạ đến đỉnh dốc	480
	Đoạn từ đỉnh dốc đến giáp đường đi xã Phúc Thọ	240
	Đoạn từ đỉnh dốc đến hết nhà ông Nhâm	480
	Đoạn từ ngã tư Tân Hà đến hết cổng thôn Thạnh Thất I	600
2.2	Đường thôn Phúc Hưng	
	Đoạn đường giáp ĐT 725 vào 500m	120
	Đoạn đường từ 500m đến hết thôn Phúc Hưng giáp xã Tân Văn	42
2.3	Đường thôn Phúc Thọ I	
	Đoạn đường từ giáp thôn Liên Trung đến phân trường Tiểu Học Tân Hà 2	42
2.4	Đường thôn Tân Trung	
	Đoạn đường từ ĐT 725 đến chùa Hà Lâm	480
	Đoạn từ đường ĐT 725 (nhà ông Đức) vào 200m	240
	Đoạn từ đường ĐT 725 (đất ông Khiêm) đến ngã tư	120
	Đoạn từ ngã tư đến đường đi xã Hoài Đức	
2.5	Đường thôn Thạch Thất I	
	Đoạn từ cổng văn hoá giáp thôn Liên Trung đến giáp thôn Thạch Tấn	36
	Đoạn đường từ nhà ông Đức vào 200m đến giáp thôn Thạch Tấn	36
2.6	Đường thôn Tân Đức	
	Đoạn đường từ đường đi xã Hoài Đức đến 300m (ông Lân)	360
	Đoạn đường đi cổng thôn Tân Đức vào 200m đến giáp thôn Thạch Tấn	120
2.7	Đường thôn Đan Phượng I	
	Đoạn đường từ giáp đường ĐT 725 đến giáp đất ông Thông	180
	Đoạn đường từ hết đất ông Thông đến hết đường đi xã Đan Phượng	42
	Đường từ ĐT 725 đi vào bãi đá thôn Phúc Thọ II	36
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
3.1	Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>III</b>	<b>XÃ HOÀI ĐỨC</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b>	
1.1	Đường Tân Hà – Tân Thanh	
	Từ ngã ba Nhà Thờ vào tới 200m	420
	Từ 200m đến cổng nghĩa Địa	240
	Từ cổng nghĩa địa đến ngã ba(nhà ông Toàn)	144
	Từ ngã ba (nhà ông Toàn) đến cầu đập gần UB	180
	Từ cầu đập gần UB đến ngã 4 Thôn 5 (nhà ông Công)	240
	Từ ngã 3 thôn 5 đến giáp xã Tân Thanh	144
1.2	Đường liên xã Tân Hà - Hoài Đức - Liên Hà	
	Từ ngã ba Nhà Thờ đến cột điện Trung thế số 286/128/10	360
	Từ cột điện trung thế 286/128/10 đến ngã ba vào thôn 2 (giáp nhà ông Vinh)	204
	Từ ngã ba vào thôn 2 (giáp nhà ông Vinh) đến ngã ba giáp nhà ông Tuý	180
	Từ ngã ba giáp nhà ông Tuý đến ngã ba Trần Quốc Toàn	240
<b>2</b>	<b>Khu vực 2 (Đường liên thôn)</b>	
	Từ ngã 3 Trần Quốc Toàn đến ngã 3 vào nghĩa địa thôn 4	120
	Đường Từ ngã 3 vào nghĩa địa thôn 4 đến đập Đa Sa	48
	Từ ngã tư (cổng UB) đến ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1	60
	Từ ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1 đến đường liên xã (nhà cô Thu)	84
	Từ ngã ba thôn Vinh Quang (nhà ông Chí ) đến ngã ba lên chùa Vạn Thiện	240
	Từ ngã ba thôn 6 (nhà ông Tùng) đến ngã ba (giáp đất ông Chạy)	60
	Ngã ba đôi đầu đến đất nhà ông Hoà	60
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	
3.1	Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>IV</b>	<b>XÃ TÂN THANH</b>	

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b> (Đường Tân Hà -Tân thanh )	
	Từ giáp xã Hoài Đức đến ngã ba thôn Đông Thanh	120
	Từ ngã ba thôn Đông Thanh đến đất ông Quế	144
	Từ đất ông Quế đến cầu UBND xã cũ	180
	Từ cầu UBND xã cũ đến cuối dốc Vất	144
	Từ chân dốc Vất đến đỉnh dốc Vất	60
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b> (Đường liên thôn)	
	Thôn Tân An đi thôn Thanh Hà	48
	Thôn Thanh Hà đi thôn Tân Bình	72
	Thôn Thanh Hà đi thôn Bằng Sơn	36
	Thôn Tân An đi thôn Thanh Bình	36
	Thôn Tân An đi thôn Đoàn Kết	48
	Thôn Hoà Bình đi thôn Tân An	36
	Thôn Đông Thanh đi thôn Đoàn Kết	48
	Thôn Thanh Bình đi thôn Phi Tô	36
	Thôn Hoà Bình đi thôn Thác Bụi	90
	Thôn Cam Pang đi thôn Tân Bình	48
	Thôn Tân Bình đi thôn Tân Hợp	60
	Đoạn đường từ Long Lan đi thôn Tân Bình	120
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	
3.1	Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>V</b>	<b>XÃ LIÊN HÀ</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b>	
1.1	Đường ĐT 725	
	Từ giáp xã Tân Hà tới cột 3 thân 500 KV	84
	Từ cột 3 thân 500 KV đến Hồ	120
	Từ hồ tới trường cấp II	72

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
1.2	Đường liên xã Tân Hà - Hoài Đức - Liên Hà	
	Từ giáp xã Tân Hà tới ngã ba đi thôn Phúc Thọ	144
	Từ ngã ba đi thôn Phúc Thọ đến cổng trường C2	108
	Từ cổng trường C2 đến cổng trường Lán Tranh II	156
	Từ cổng trường Lán Tranh II đến ngã ba ông Nhâm	120
	Từ ngã ba nhà ông Nhâm đến đỉnh dốc suối Lạnh	96
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b>	
2.1	Đường từ ngã ba Trần Quốc Toàn đi đập Đa Sa	
	Đường từ ngã ba Trần Quốc Toàn đến hết trường Trần Quốc Toàn	120
	Từ hết Trường Trần Quốc Toàn đến đối diện phân trường Hoài Đức	60
	Từ phân trường Hoài Đức đến ngã ba ông Sánh (thửa 362, TBĐ 37)	72
	Đoạn còn lại	48
2.2	Đường từ ngã ba xương cá đi thôn Chiến Thắng	
	Từ ngã ba xương cá vào 300m (thửa 32, 337, TBĐ 56)	120
	Đoạn từ 300m (thửa 32, 337, TBĐ 56) - thôn Liên Kết	60
	Đoạn còn lại	36
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>VI</b>	<b>XÃ PHÚC THỌ</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1(Đường Tân Hà – Tân Thanh)</b>	
	Từ giáp xã Tân Hà tới ngã ba Dược Liệu	120
	Từ ngã ba Dược Liệu tới Đập hồ Phúc Thọ	144
	Từ đập Hồ Phúc Thọ tới ngã ba đi Hoài Đức	240
	Từ ngã ba đi Hoài Đức tới ngã ba đi Lâm Bô	180
	Từ giáp xã Tân Văn đến ngã ba Dược Liệu (đường Tân Văn - Phúc Thọ)	108
<b>2</b>	<b>Khu vực 2(Đường thôn - Đường liên thôn)</b>	
	Đường từ ngã ba NT vào Thủy điện Sardeung	72
	Đường từ ngã ba bà Tắc vào thôn Đạ Pe	60
	Đường từ ngã ba đi Hoài Đức đến giáp xã Hoài Đức	60

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>VII</b>	<b>XÃ ĐAN PHƯỢNG</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b>	
	Từ giáp xã Tân Hà đến cổng trường Cấp II	72
	Từ cổng trường Cấp II đến hết nghĩa địa thôn 2	60
	Từ Tân Hà đến hết trường Mẫu giáo thôn 3	72
	Từ Trường Mẫu giáo thôn 3 đến ngã ba trường cấp 1	60
	Đoạn còn lại	48
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b>	
	Các đường liên thôn xe 04 bánh ra vào được.	36
<b>3</b>	<b>Khu Vực 3</b>	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>VIII</b>	<b>XÃ GIA LÂM</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b>	
1.1	Đường ĐT 725	
	Từ TT Nam Ban đến ngã ba đi Thôn 5	600
	Từ cổng văn hoá thôn 4 tới trường Mẫu giáo	360
	Từ trường Mẫu giáo tới cổng văn hoá thôn 3	240
	Từ cầu Suối cạn đến đỉnh dốc Đá thôn I	120
	Từ hồ thôn I đến giáp Đức Trọng	84
1.2	Đường đi xã Đông Thanh	
	Từ giáp đường ĐT 725 đến xã Đông Thanh	60
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b>	
2.1	Khu vực chợ Gia Lâm	
	Từ trạm thuế đến đất ông Truyền (thửa 154, TĐĐ 11)	120
	Từ đất ông Đình (thửa 31, TĐĐ 11) đến đất ông Hiến (thửa 27, TĐĐ17)	84
	Từ đất ông Hiến (thửa 27, TĐĐ17) đến đất bà Doan (thửa số 52, TĐĐ 11)	120

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ đất bà Đoan (thửa số 52, TĐĐ 11) đến ngã tư ông Quý (thửa số 39, TĐĐ 11)	144
	Từ ngã tư ông Quý (thửa số 39, TĐĐ 11) đến trại tầm tơ An	60
	Đường từ ngã tư ông Phà (thửa số 49, TĐĐ 11) đến đất ông Truyền (thửa số 71, TĐĐ 11)	42
	Ngã ba đi kho xăng KA2 đến ngã ba ông Vượng (thửa số 323, TĐĐ 02)	42
2.2	Đường liên thôn 3, thôn 4 -Gan Thi	
	Từ ngã tư ông Quý (thửa số 276, TĐĐ04) đến ngã tư ông Toàn (thửa số 321, TĐĐ 03)	48
	Từ ngã tư ông Toàn (thửa số 321, TĐĐ 03) đến cầu Gan Thi	36
	Từ ngã tư đi thôn 5 đến phân trường thôn 5	42
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>IX</b>	<b>XÃ MÊ LINH</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1(Đường ĐT 725)</b>	
	Từ TT. Nam Ban đến ngã ba vào xóm Trại Gà (thôn 2)	84
	Từ ngã ba vào xóm Trại Gà đến Hồ Thôn 2	120
	Từ Hồ Thôn 2 đến trường tiểu học Mê Linh	144
	Từ tiểu học Mê Linh tới ngã ba đi Bãi Đá (đi thôn 2)	180
	Từ ngã ba đi Bãi Đá tới ngã ba đi Đồi Tùng	156
	Từ ngã ba đi Đồi Tùng đến cầu Cam Ly	192
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b>	
2.1	Đường từ Từ Liêm vào thôn 1	120
2.2	Đường từ ngã ba Bãi đá thôn 3 đến hang hốt, buôn chuối	84
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>X</b>	<b>XÃ NAM HÀ</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b>	
1.1	Đường Nam Ban - Phi Tô	
	Từ giáp TT Nam Ban đến ngã ba đi Hoàn Kiếm I	48

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ ngã ba thôn Hoàn Kiếm I đến ngã ba đi thôn Hoàn Kiếm II, Hoàn Kiếm III	72
	Từ ngã ba đi Hoàn Kiếm II và Hoàn Kiếm III tới ngã ba đối diện trụ sở UBND Xã	84
	Từ ngã ba đối diện trụ sở UBND Xã đến bưu điện văn hóa xã	108
	Từ Bưu điện văn hóa xã tới công trường Cấp I Nam Hà	60
	Đoạn còn lại	36
<b>1.2</b>	<b>Đường Nam Hà - Đình Văn</b>	
	Từ ngã 3 bà Tôn (thửa 80, TĐĐ 17) đến hết đất nhà ông Kiều Công Bình (thửa 30, TĐĐ 17)	48
	Từ hết đất nhà ông Kiều Công Bình (thửa 30, TĐĐ 17) đến giáp TT Đình Văn	36
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b>	
	Đường ngã ba đi thôn HK 2,3 đến hết thửa 123, TĐĐ 27 đến hết thửa 12, TĐĐ 27	48
	Đường liên thôn Hoàn kiếm 2 từ thửa 118, TĐĐ 21 đến gết thửa 47, TĐĐ 23	36
	Đường liên thôn Hoàn kiếm II (từ thửa 118, TĐĐ 21 đến hết thửa 47, TĐĐ 23)	36
	Đường từ thửa 136, TĐĐ 27 đến hết thửa 186 TĐĐ 27	48
	Đường từ hết thửa 186 TĐĐ 27 đến thửa 02, TĐĐ 24	36
	Đường đi thôn Hai Bà Trưng và thôn Nam Hà	36
	Đường liên thôn đi thôn Hai Bà Trưng	36
	Đường liên thôn Hoàn kiếm I đi thôn Sóc Sơn (thửa 124, TĐĐ 16 đến hết thửa số 47, TĐĐ 17)	36
	Đường từ ngã ba ông Trần Văn Thành (thửa số 24, TĐĐ 23) đến ngã ba ông Tân Văn Ngòi ( thửa số 2, TĐĐ 24)	36
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>XI</b>	<b>XÃ ĐÔNG THANH</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b>	
1.1	Đường Gia Lâm – Đông Thanh	

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ giáp xã Gia Lâm đến ngã ba vào thôn Thanh Trì và Trung Hà	120
	Từ ngã ba vào thôn Thanh Trì và Trung Hà đến ngã tư đường đi Tầm Xá	180
	Từ ngã tư đường đi Tầm Xá đến cầu sắt Tiền Lâm	120
	Từ cầu sắt Tiền Lâm tới TT Nam Ban	180
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b>	
2.1	Đường Trung Hà - Đông Hà	60
	Giáp đường liên xã đến hết đường TH Đông Thanh I	60
	Từ hết trường Đông Thanh I - giáp đường liên xã (Hội trường thôn Đông anh)	42
2.2	Đường từ ngã ngã tư đi Tầm xã - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Chiến	
2.3	Đường từ ngã tư đi Tầm Xá - ngã tư nhà ông Nguyễn Văn Hải (thửa 226, TBD 04)	48
	Từ ngã tư nhà ông Nguyễn Văn Hải (thửa 226, TBD 04) - ngã ba (Bốt điện Tầm xá)	36
	Từ ngã ba (Bốt điện Tầm xá) - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Chiến giáp đường liên xã	48
	Từ ngã ba vào thôn Thanh Trì và Trung Hà - ngã tư giáp ông Khúc Lưu Luyến (thửa 156, TBD 07)	36
	Từ ngã tư đi bốt điện Thanh trì - ngã ba nhà bà Dương Thị Hưu (thửa 369, TBD 09)	36
	Từ công Vãn hoá thôn Thanh Hà - cầu treo đi TT Nam Ban	34
	Ngã ba giáp ranh Gia Lâm và Thanh Trì , Đông Thanh - ngã ba nhà ông Nguyễn Trọng Tĩnh (thửa101, TBD08)	34
	Từ ngã ba nhà ông Trần Văn Mùi giáp đường liên xã - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Năm (thửa 116, TBD 06)	30
	Từ ngã ba nhà ông Trần Quang Bình giáp đường liên xã - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Bình (thửa 272, TBD 05)	34
	Từ ngã ba (cầu Tầm xá) đến ngã ba nhà ông Trương hữu Kiên (Thửa 227; TBD 01)	42
	Từ ngã ba (Tổng đội ) đi dốc ba Mão đến giáp âm Ban (thửa 63, TBD 03)	42
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>XII</b>	<b>XÃ PHI TÔ</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b>	
1.1	Đường Nam Ban – Phi Tô – Dạ Đờn	
	Từ giáp xã Dạ Đờn đến cầu Suối Cạn	36
	Từ cầu Suối Cạn đến cống giữa thôn I và thôn II	60
	Từ cống giữa thôn I và thôn II đến ngã ba đi đồi sim (thửa 328, TĐĐ số 4, ĐĐ địa chính xã Phi Tô)	84
	Từ ngã ba đi đồi Sim đến cầu thôn 4	60
	Từ cầu thôn 4 đến giáp xã Nam Hà	48
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b>	
2.1	Đường cấp phối thôn 5 từ nhà bà Bùi Thị Bón (thửa 579, TĐĐ) - nhà ông Thọ (tờ 53, thửa 04)	36
2.2	Đường cấp phối thôn 1,2,6 từ nhà Vi Ngập Tiên (thửa 222, TĐĐ 2) đến nhà KBông (Thửa 561, tờ 03)	36
2.3	Đường cấp phối thôn 3 từ nhà ông Nông Văn Bón (thửa 71, TĐĐ7) đến (thửa 15, TĐĐ 7 ; thửa 38 TĐĐ 7).	36
2.4	Đường cấp phối thôn 2 vào trường TH Phi Tô từ (thửa 701, TĐĐ 04; thửa 242, TĐĐ 04) đến thửa 251, TĐĐ 4)	42
2.5	Phần đường cấp phối còn lại của 3 đường trên	36
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>XIII</b>	<b>XÃ ĐẠ ĐỜN.</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b>	
1.1	Quốc lộ 27	
	Từ giáp TT Đình Văn đến hết Lò gạch ông Vân (thửa 644, TĐĐ số 35, ĐĐ địa chính xã Dạ Đờn)	840
	Từ lò gạch ông Vân (thửa 644, TĐĐ 35, ĐĐ địa chính xã Dạ Đờn) đến Cầu Đam Pao	480

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ cầu Đam Pao đến cống thủy lợi qua đường - Trụ sở UBND xã	360
	Từ cống thủy lợi qua đường - Trụ sở UBND xã đến cống An Phước	264
	Từ cống An phước đến cống đầu thôn Tân tiến (nhà ông Trần Minh Khoa) (thửa 480, TBĐ 17, BĐ địa chính xã Đạ Đờn)	240
	Từ cống đầu thôn Tân Tiến đến cống hộp Thủy Lợi	264
	Từ cống hộp Thủy Lợi đến cầu Đạ Đờn	600
1.2	<b>Đường Đạ Đờn - Phi Tô</b>	
	Từ ngã ba RLơn đến chân dốc RLơn (Nhà ông Huyền- Thửa 112, TBĐ 11)	360
	Từ nhà ông Huyền (Thửa 112, TBĐ 11) đến nhà ông Hậu Lộc (thửa 19, TBĐ 5)	120
	Từ nhà ông Hậu Lộc (thửa 19, TBĐ 5) đến nhà ông Phong Lai (thửa 176, TBĐ số 5)	84
	Từ nhà ông Phong Lai (thửa 176, TBĐ số 5) đến chân dốc Phi Tô	72
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b>	
	Đường từ QL27 đi xóm Bến Tre	60
	Đường từ chùa An phước (QL 27) đi xóm Đạ Nàng	72
	Từ cống thôn Tân Lâm đến cống thủy lợi ( đường vào trường DTNT)	96
	Đường từ QL 27 (quán ông Bón) vào thôn 2 Đạ Nung A	96
	Đoạn từ QL 27 vào thôn Đam Pao	96
	Đường TL725 dốc núi Phi Tô vào thôn Đạ Ty	60
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào được.	30
3.2	Còn lại.	18
<b>XIV</b>	<b>XÃ PHÚ SƠN</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1</b>	
1.1	<b>Quốc lộ 27</b>	
	Từ cầu Đạ Đờn đến núi Đôi	240
	Từ núi Đôi đến bưu điện Phú Sơn	240
	Từ Bưu điện Phú Sơn đến ngã ba vào Cấp 1 Phú Sơn	360

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
	Từ ngã ba vào Cấp 1 Phú Sơn đến xưởng chè nhà Gái Ngộ (thửa 45, TBĐ 24, BĐ địa chính xã Phú Sơn).	180
	Từ xưởng chè gái Ngộ (thửa 45, TBĐ 24, BĐ địa chính xã Phú Sơn) đến ngã ba thôn PReTeng.	216
	Từ ngã ba thôn PReTeng đến nghĩa địa thôn Lạc Sơn.	144
	Từ nghĩa địa thôn Lạc Sơn đến đèo Phú Mỹ.	96
<b>2</b>	<b>Khu vực 2</b>	
2.1	Đường từ Núi đôi đi đội Quyết Thắng	120
	Từ QL 27 đến cầu Rteng	60
	Từ cầu Rteng đến hết thôn Rteng1 và Rteng 2	84
2.2	Đường từ buro điện đến công ty Trần Vũ	84
	Đường từ chợ Ngọc sơn vào thôn Ngọc sơn 1	120
	Đường từ QL27 vào xưởng chè Ngọc phú	84
<b>3</b>	<b>Khu vực 3</b>	
3.1	Các đường xe 04 bánh ra vào đợc.	30
3.2	Còn lại.	18

**C. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP:** đất phi nông nghiệp đợc xác định theo từng mục đích sử dụng:

1. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật, bằng giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất đợc quy định tại Phần A và Phần B nêu trên.

2. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, bằng 60% giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất đợc quy định tại Phần A và Phần B nêu trên.

3. Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và các loại đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán trại cho người lao động; đất đô thị đợc sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả

các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp, bằng 85% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề hoặc giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất được quy định tại điểm 2 Phần C trên đây.

4. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, bằng 50% mức giá của đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất quy định tại điểm 2 Phần C trên đây.

### C. ĐẤT NÔNG NGHIỆP.

Khu vực I: Thuộc địa bàn thị trấn Đình Văn và Nam Ban .

Khu vực II: thuộc địa bàn các xã Gia Lâm, Đông Thanh, Mê Linh, Nam Hà, Tân Văn, Đa Dờn, Phú Sơn, Tân Hà, Hoài Đức, Phúc Thọ, Tân Thanh (trừ các thôn vùng 3 của các xã).

Khu vực III: thuộc địa bàn các xã Phi Tô, Đan Phượng, Liên Hà và các thôn vùng 3 của các xã

1. Đất trồng cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản.

**DVT : 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

STT	Khu vực	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	30	24	15
2	Khu vực 2	24	19	12
3	Khu vực 3	15	12	8

2. Đất cây lâu năm

**DVT : 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

STT	Khu vực	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	24	19	12
2	Khu vực 2	19	15	10
3	Khu vực 3	12	10	6

Vị trí 1: là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường liên xã trong phạm vi 500m.

Vị trí 2: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, đường liên huyện và đường giao thông liên xã trong phạm vi trên 500m đến 1.000 mét.

Vị trí 3: Các vị trí còn lại

3. Các trường hợp sau đây, giá đất được quy định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

4. Các trường hợp sau giá đất được quy định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các thị trấn.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

## **D. ĐẤT LÂM NGHIỆP:**

### **1. Đất rừng sản xuất:**

**ĐVT : 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

STT	Vị trí	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	<b>Đơn giá</b>	10	8	5

Vị trí 1: là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ;

Vị trí 2: là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã;

Vị trí 3: là những diện tích đất còn lại.

2. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng cảnh quan:

a) Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: Tính bằng 90% giá đất cùng vị trí của đất rừng sản xuất.

b) Đất rừng cảnh quan: Tính bằng 110% giá đất cùng vị trí của đất rừng sản xuất.